

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Improving the institutions of Vietnam's socialist-oriented market economy in the spirit of the 14th National Party Congress

ThS. LÊ THỊ HIÊN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thuanhien11@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/5/2026

Ngày phản biện: 26/5/2026

Ngày chấp nhận đăng: 20/7/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị.

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích toàn diện tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (KTMT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) ở Việt Nam, dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn phát triển và định hướng chiến lược được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Nội dung nhấn mạnh rằng thể chế KTMT không chỉ là khung khổ pháp lý và cơ chế vận hành của nền kinh tế, mà còn là công cụ để Nhà nước kiến tạo phát triển, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Từ khóa: thể chế kinh tế; kinh tế thị trường; hoàn thiện; định hướng xã hội chủ nghĩa.

Abstract: This article provides a comprehensive analysis of the process of improving the institutions of Vietnam's socialist-oriented market economy. The analysis is grounded in theoretical foundations, practical development experience, and the strategic orientations set out in the Documents of the 14th National Party Congress. It emphasizes that the institutions of the socialist-oriented market economy constitute not only the legal framework and operational mechanism of the economy but also an instrument through which the State promotes development while ensuring a harmonious balance between economic growth, social equity, and sustainable development.

Keywords: economic institutions; market economy; institutional improvement; socialist orientation.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã lựa chọn KTMT định hướng XHCN như một con đường phát triển đặc thù. Đây là mô hình vừa kế thừa những ưu điểm của kinh tế thị trường hiện đại, vừa bảo đảm mục tiêu công bằng xã hội, hướng tới sự phát triển bền vững. Thể chế KTMT định hướng XHCN không chỉ là khung khổ pháp lý và cơ chế vận hành của nền kinh tế, mà còn

là công cụ để Nhà nước thực hiện vai trò kiến tạo, điều tiết và định hướng phát triển. Chính vì vậy, nghiên cứu và định hướng hoàn thiện thể chế này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam nhìn nhận “Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường còn chậm, chưa giải quyết tốt mối quan hệ

giữa Nhà nước, thị trường, xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách phải xây dựng một thể chế kinh tế thị trường hiện đại, minh bạch, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nếu thể chế không được hoàn thiện, nền kinh tế sẽ khó tận dụng cơ hội từ hội nhập, thậm chí đối mặt với nguy cơ tụt hậu, mất lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0, đòi hỏi thể chế phải linh hoạt, thích ứng và tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo. Thực tiễn cho thấy, những bất cập trong quản lý đất đai, thị trường vốn, lao động, và khoa học - công nghệ đang cản trở sự phát triển đồng bộ của nền kinh tế. Do đó, việc nghiên cứu để hoàn thiện thể chế không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của bài báo là các nguyên lý, lý luận phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phân tích - tổng hợp tài liệu từ các văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết, báo cáo chính trị, cùng với các công trình nghiên cứu khoa học liên quan nhằm hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đánh giá tiến trình hoàn thiện thể chế; Phương pháp phân tích định tính để làm rõ nội hàm của các khái niệm cũng như các yêu cầu về minh bạch, công bằng và hội nhập quốc tế và đối chiếu quan điểm về thể chế KTTT định hướng XHCN qua từng kỳ Đại hội để thấy rõ sự phát triển nhận thức của Đảng qua các kỳ Đại hội; từ đó tổng kết thực tiễn và đưa ra định hướng nhằm hoàn thiện thể chế trong giai đoạn tới, phù hợp với mục tiêu chiến lược mà Văn kiện Đại hội XIV đã xác định.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nội dung thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Để hiểu được thể chế KTTT định hướng XHCN

thì trước hết cần làm rõ khái niệm thể chế. Thuật ngữ Latin “Institution” (thể chế) có nguồn gốc từ luật La Mã, nhưng việc sử dụng thuật ngữ này mới được xác lập vào thế kỷ 19. Trong Báo cáo Phát triển thế giới năm 2002, nhóm nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới quan niệm các thể chế là các quy tắc, cơ chế thực thi và tổ chức bao gồm các quy tắc chuẩn mực hành vi, mà các tác nhân tương tác và các tổ chức thực hiện các quy tắc và quy tắc ứng xử để đạt được kết quả mong muốn (The World Bank, 2002). Theo từ điển Luật học năm 2006 thì: “thể chế là hệ thống các định chế hợp thành một tổng thể các chế độ nhà nước, hình thức tổ chức nhà nước, các chế độ về lập pháp, hành pháp và tư pháp” (Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), 2006). Theo cách tiếp cận của kinh tế chính trị, thì thể chế tác động đến hành động của con người như những hạn chế. Thể chế được định nghĩa là “quy tắc do con người lập nên, ràng buộc các ứng xử trong hoạt động tương tác của con người và tổ chức” (Ngô Tuấn Nghĩa, 2021). Thể chế chính thức (Formal Institutions) là hệ thống pháp chế, mang tính “pháp trị”, thể chế phi chính thức (Informal Institutions) thuộc phạm trù “đức trị”, là các dư luận xã hội, chuẩn mực xã hội, tập quán kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp.

Thể chế kinh tế là hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế; thể chế kinh tế cũng có thể được hiểu là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại bên cạnh các bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế xã hội, ... “Thể chế kinh tế phản ánh bản chất chế độ xã hội của một quốc gia trong hoàn cảnh lịch sử nhất định. Thể chế kinh tế là luật chơi cùng các đối tượng tham gia cuộc chơi và tuân thủ luật chơi đó là các tổ chức kinh tế (như nhà nước, doanh nghiệp, công đoàn...)” (Ngô Tuấn Nghĩa, 2021).

Thể chế KTTT là hệ thống các quy tắc và cơ chế cho phép nền kinh tế vận hành dựa trên quan hệ cung - cầu, giá cả, cạnh tranh, nhưng đồng thời có sự điều tiết của Nhà nước để khắc phục thất bại thị trường, bảo đảm công bằng xã hội và ổn định vĩ mô. Thể chế KTTT có vai trò thúc đẩy hiệu quả kinh tế

khi các quy tắc rõ ràng, thị trường vận hành minh bạch, chi phí giao dịch giảm, năng suất tăng, khuyến khích đổi mới sáng tạo bởi vì thể chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tạo động lực cho nghiên cứu và phát triển, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, ngăn chặn độc quyền, tham nhũng, lợi ích nhóm, tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia khi có một thể chế tốt giúp thu hút đầu tư, nâng cao vị thế quốc tế, đảm bảo công bằng xã hội bằng cách nhà nước sử dụng thể chế để phân phối lại thu nhập, hỗ trợ nhóm yếu thế, duy trì ổn định xã hội. Khái niệm thể chế KTTT không chỉ dừng ở việc mô tả “luật chơi” của nền kinh tế, mà còn phản ánh cách thức Nhà nước và xã hội tổ chức, điều chỉnh các hoạt động kinh tế để đạt mục tiêu phát triển bền vững. Đối với Việt Nam, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN là nhiệm vụ chiến lược, nhằm vừa phát huy động lực thị trường, vừa bảo đảm công bằng xã hội và định hướng phát triển lâu dài.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Theo Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng “Đó là một kiểu KTTT mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường, một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền KTTT tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ)” (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

Thể chế KTTT định hướng XHCN chính là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và thiết chế tổ chức để bảo đảm nền kinh tế này vận hành hiệu quả, vừa phát huy động lực thị trường, vừa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế KTTT định hướng XHCN là nền tảng pháp lý và cơ chế vận hành đặc thù của Việt Nam, vừa bảo đảm quy luật thị trường, vừa giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Đây là nhiệm vụ chiến lược, được coi là một trong “ba đột phá” quan trọng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

3.2. Đặc trưng của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam vừa tuân thủ các nguyên tắc phổ quát của thể chế KTTT vừa lồng ghép mục tiêu giá trị XHCN thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự điều tiết của Nhà nước.

Thứ nhất, đặc trưng về mục tiêu, định hướng XHCN. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hướng tới mục tiêu kép: vừa phát triển kinh tế, vừa bảo đảm công bằng xã hội, tiến bộ và định hướng vì con người. Tăng trưởng gắn liền với an sinh xã hội, giảm bất bình đẳng, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tính định hướng XHCN đã trở thành tiêu chí định hướng mọi thiết chế, luật pháp và cơ chế quản lý của Nhà nước, giúp Nhà nước vừa điều tiết thị trường, vừa thiết lập các chính sách hỗ trợ để tăng trưởng đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, đảm bảo rằng nền kinh tế phát triển theo hướng bền vững và nhân văn. Đây là điểm khác biệt cơ bản so với nền KTTT thuần túy, nơi mà tăng trưởng thường đi trước và công bằng xã hội có thể là hệ quả gián tiếp.

Thứ hai, đặc trưng về vai trò của Nhà nước. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam giữ vai trò kiến tạo phát triển, điều tiết vĩ mô, định hướng chiến lược, đồng thời bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng giữ vai trò chủ đạo trong những lĩnh vực then chốt (năng lượng, hạ tầng, quốc phòng, an ninh). Nhà nước thiết lập “luật chơi” cho thị trường ban hành hệ thống pháp luật quy định và tiêu chuẩn để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các chủ thể kinh tế. Đồng thời nhà nước cũng là “người chơi đặc biệt” trong các lĩnh vực chiến lược thông qua doanh nghiệp nhà nước và các quỹ đầu tư để bảo vệ lợi ích quốc gia.

Thứ ba, đặc trưng về đa dạng hình thức sở hữu và đa thành phần kinh tế nhằm vừa phát huy, khai thác hiệu quả thị trường vừa thực hiện định hướng

XHCN. Nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân) và nhiều thành phần kinh tế; Là nền KTTT “Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong ổn định vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt. Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đảm bảo quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, khuyến khích doanh nghiệp trong nước lớn mạnh, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đưa tri thức và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) cùng với kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận cấu thành quan trọng, được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược và quy hoạch quốc gia.

Thứ tư, đặc trưng về nguyên tắc phân phối công bằng tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Đây là nguyên tắc trụ cột quan trọng của thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam. Nguyên tắc phân phối công bằng là tiêu chí định hướng cho các chính sách và luật pháp, vừa là công cụ điều tiết để nhà nước kết hợp hiệu quả kinh tế với mục tiêu XHCN, được thể hiện rõ qua cơ chế phân phối đa dạng. *Một là* phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế đảm bảo người lao động doanh nghiệp và các thành phần kinh tế hưởng lợi dựa trên đóng góp và năng suất từ đó khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng suất lao động. *Hai là* phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác, sẽ khuyến khích đầu tư và đảm bảo cho các chủ thể sở hữu hưởng lợi tương xứng với các đóng góp. *Ba là* phân phối thông qua phúc lợi xã hội hỗ trợ nhóm yếu thế, giảm bất bình đẳng trong xã hội. Nguyên tắc phân phối công bằng ở Việt Nam có định hướng xuyên suốt và được nhà nước chủ động điều tiết, kết hợp hiệu quả kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ năm, đặc trưng về tính hiện đại linh hoạt, thích ứng và hội nhập quốc tế. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định: “Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền KTTT định hướng XHCN đầy đủ, hiện đại, hội nhập”. Tính hiện đại thể hiện ở việc xây dựng khung pháp

lý, cơ chế quản lý, tổ chức thị trường và chính sách kinh tế đồng bộ, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời tích hợp các công cụ quản trị mới như công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo. Tính linh hoạt và khả năng thích ứng cho phép thể chế điều chỉnh chính sách, cơ chế và pháp luật nhanh chóng trước những biến động kinh tế - xã hội, khủng hoảng tài chính, biến đổi khí hậu cũng như thay đổi về công nghệ và thị trường toàn cầu. Đặc trưng này giúp thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN vừa năng động, sáng tạo và hội nhập kinh tế quốc tế vừa giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho tăng trưởng bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội.

3.3. Những thành tựu và hạn chế về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 40 năm qua (1986 - 2026)

Sau 40 năm đổi mới và phát triển, kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu vượt bậc, đưa Việt Nam từ một nước đói nghèo phải đi nhập khẩu lương thực, trở thành quốc gia xuất khẩu, “tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân khoảng 6,2%/năm, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao của khu vực và thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Có được thành quả như vậy cho thấy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đang đi đúng hướng và mang lại những kết quả tốt đẹp.

Thứ nhất, khung pháp luật và chính sách kinh tế ngày càng hoàn thiện, phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế, đã trở thành một trong những nền tảng quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam. Quá trình này thể hiện rõ sự chuyển biến từ một hệ thống pháp lý còn mang tính khép kín, thiếu đồng bộ sang một khung thể chế minh bạch, công bằng, có khả năng tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế. Việc ban hành và sửa đổi các luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản, cùng với hệ thống chính sách tài chính - tiền tệ, đã góp phần hình thành một “luật chơi” rõ ràng, giảm thiểu rủi ro pháp lý và chi phí giao dịch cho doanh nghiệp. Sự phù hợp với chuẩn mực quốc tế được thể hiện

qua việc Việt Nam tích cực nội luật hóa các cam kết quốc tế, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP. Những hiệp định này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao về minh bạch, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cạnh tranh lành mạnh, và bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư. Nhờ đó, môi trường kinh doanh ở Việt Nam ngày càng tiệm cận với thông lệ quốc tế, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Một điểm đáng chú ý là khung pháp luật và chính sách kinh tế hiện nay không chỉ tập trung vào việc thúc đẩy tăng trưởng mà còn chú trọng đến công bằng xã hội và phát triển bền vững. Các chính sách về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo được lồng ghép vào hệ thống thể chế, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội. Điều này thể hiện rõ định hướng XHCN trong mô hình KTTT của Việt Nam, khác biệt với KTTT thuần túy tư bản chủ nghĩa vốn đặt trọng tâm vào lợi nhuận.

Thứ hai, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó khu vực tư nhân ngày càng được khẳng định là một động lực quan trọng bên cạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền KTTT đa dạng, nơi các thành phần kinh tế cùng tồn tại, cạnh tranh và hợp tác. Kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong những lĩnh vực then chốt như năng lượng, hạ tầng, quốc phòng và an ninh, bảo đảm ổn định vĩ mô và định hướng phát triển. Đồng thời, khu vực tư nhân đã trở thành lực lượng năng động, đóng góp ngày càng lớn vào GDP, tạo việc làm cho hàng triệu lao động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Sự phát triển của khu vực tư nhân được hỗ trợ bởi các chính sách pháp luật ngày càng minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, cũng như các tập đoàn tư nhân lớn mở rộng quy mô và hội nhập quốc tế. Nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã vươn ra thị trường toàn cầu, tham gia chuỗi giá trị quốc tế, góp phần nâng cao vị thế quốc gia. Đây là minh chứng cho việc thể chế KTTT định

hướng XHCN đã và đang phát huy hiệu quả trong việc khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển, đồng thời giữ vững mục tiêu công bằng xã hội. Nhìn tổng thể, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là khu vực tư nhân, phản ánh tính đúng đắn của đường lối Đổi Mới, khẳng định vai trò của thể chế trong việc tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng. Thành tựu này không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn tạo nền tảng cho Việt Nam hội nhập sâu rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

Thứ ba, hội nhập quốc tế sâu rộng đã giúp Việt Nam mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP không chỉ mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường lớn với thuế suất ưu đãi, mà còn buộc Việt Nam phải cải cách thể chế, nâng cao chuẩn mực pháp lý, minh bạch hóa môi trường kinh doanh. Nhờ đó, doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, tiếp cận công nghệ hiện đại và nguồn vốn quốc tế. Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, từ đó gia tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Song song với hội nhập, Việt Nam đã giữ vững ổn định chính trị - xã hội, một yếu tố được coi là “điểm tựa” cho phát triển kinh tế. Trong bối cảnh nhiều quốc gia phải đối mặt với bất ổn chính trị, xung đột xã hội hay khủng hoảng thể chế, Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và cộng đồng quốc tế. Sự ổn định này không chỉ bảo đảm trật tự xã hội, mà còn giúp Nhà nước tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế, cải cách thể chế và nâng cao đời sống nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì một trong những vấn đề lớn đặt ra trong quá trình hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay là sự tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành của nền kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trước hết, thị trường các yếu tố sản xuất chưa

phát triển đồng bộ. Thị trường đất đai vẫn còn nhiều bất cập do cơ chế sở hữu toàn dân, dẫn đến tình trạng đầu cơ, thiếu minh bạch và khó tiếp cận đối với doanh nghiệp. Thị trường lao động chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, kỹ năng nghề còn hạn chế, gây ra tình trạng thừa lao động phổ thông nhưng thiếu lao động chất lượng cao. Thị trường vốn, mặc dù đã có bước phát triển, song quy mô còn nhỏ, tính minh bạch chưa cao, rủi ro nợ xấu vẫn tồn tại. Thị trường khoa học - công nghệ chưa thực sự trở thành động lực, liên kết giữa nghiên cứu và ứng dụng còn yếu, khiến tiềm năng đổi mới sáng tạo chưa được khai thác hiệu quả.

Thứ hai, cơ chế quản lý nhà nước còn chồng chéo, thủ tục hành chính phức tạp, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Nhiều quy định pháp luật chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, làm tăng chi phí tuân thủ và giảm sức cạnh tranh. Điều này cho thấy năng lực thể chế chưa theo kịp yêu cầu của nền KTTT hiện đại.

Thứ ba, tình trạng tham nhũng và lợi ích nhóm vẫn tồn tại, làm suy giảm niềm tin xã hội và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước. Đây là một trong những thách thức lớn nhất, bởi nó không chỉ gây thất thoát nguồn lực mà còn làm méo mó môi trường kinh doanh, tạo ra sự bất bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế.

Thứ tư, khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng. Dù tăng trưởng kinh tế cao, nhưng phân phối thu nhập chưa hợp lý, chính sách an sinh xã hội chưa đủ mạnh để bảo đảm công bằng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có cơ chế phân phối lại hiệu quả hơn, nhằm duy trì ổn định xã hội và định hướng XHCN.

Cuối cùng, năng lực cạnh tranh quốc gia còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0. Việt Nam chưa tận dụng tối đa cơ hội từ công nghệ mới, năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực, và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

Việc hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, song vẫn còn nhiều thách thức cần giải quyết. Văn kiện Đại hội XIV đã xác định rõ định

hướng, coi đây là một trong “ba đột phá chiến lược” để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045: “Thể chế là “điểm nghẽn của điểm nghẽn” nhưng cũng là “đột phá của đột phá”. Phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tháo gỡ rào cản, khơi thông nguồn lực, tạo động lực phát triển mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

3.4. Định hướng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Trước hết, cần xác định rõ mục tiêu trọng tâm của giai đoạn phát triển mới, đó là tiếp tục hoàn thiện thể chế nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, trong đó ưu tiên hàng đầu là xây dựng một hệ thống thể chế đồng bộ cho nền KTTT định hướng XHCN. Trên cơ sở đó, tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, xác lập mô hình tăng trưởng mới phù hợp với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh toàn cầu. Quá trình này gắn liền với việc đẩy mạnh các chuyển đổi mang tính chiến lược như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, đồng thời thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện và bền vững.

Mục tiêu tăng trưởng được đặt ra ở mức cao, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số trong nhiệm kỳ 2026 - 2030 và duy trì trong các giai đoạn tiếp theo. Đây là thách thức lớn nhưng cũng là động lực để Việt Nam tận dụng tối đa tiềm năng, nguồn lực và cơ hội từ hội nhập quốc tế, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Quan trọng hơn, phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, đồng thời song hành với việc củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, cũng như mở rộng quan hệ đối ngoại. Sự kết hợp này bảo đảm cho quá trình phát triển không chỉ đạt được tăng trưởng về lượng, mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Trọng tâm trước hết là xây dựng và hoàn thiện

khung pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, công bằng và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Điều này không chỉ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí giao dịch, mà còn nâng cao niềm tin của nhà đầu tư và doanh nghiệp. Song song với việc nội luật hóa các cam kết quốc tế, Việt Nam cần duy trì định hướng XHCN, tức là phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi của người lao động và nhóm yếu thế.

Hai là, phát triển đồng bộ các loại thị trường: “Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Một nền kinh tế thị trường hiện đại đòi hỏi sự phát triển đồng bộ của các yếu tố sản xuất. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh việc hoàn thiện thị trường đất đai minh bạch, thị trường lao động chất lượng cao, thị trường vốn đa dạng và ổn định, cùng với thị trường khoa học - công nghệ và dịch vụ công. Đây là những trụ cột để nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế: “Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính, tài sản mã hóa, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh tế mới nổi khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Ba là, quản trị nhà nước hiện đại là điều kiện tiên quyết để thể chế vận hành hiệu quả. Định hướng đặt ra là đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, xây dựng chính phủ số, đồng thời phòng chống tham nhũng và lợi ích nhóm. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền cần được tăng cường, nhằm củng cố niềm tin xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý.

Bốn là, khu vực tư nhân được khẳng định là “động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế. Văn kiện Đại hội XIV định hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kinh tế số và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu - phát triển sẽ là nền tảng để khu vực tư nhân phát huy vai trò động lực.

Năm là, phát triển kinh tế phải gắn liền với tiến

bộ và công bằng xã hội. Định hướng đặt ra là thực hiện chính sách an sinh xã hội toàn diện, giảm bất bình đẳng, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội. Đây là điểm khác biệt căn bản của thể chế KTTT định hướng XHCN so với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, khi mục tiêu không chỉ là tăng trưởng mà còn là nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân.

Sáu là, hội nhập quốc tế được coi là “động lực chiến lược” để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới, đây là điểm đột phá về nhận thức về hội nhập quốc tế trước đây chỉ từ vị trí là “phương thức hỗ trợ phát triển”. Việt Nam chủ động tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đồng thời nâng cao năng lực nội tại để tránh phụ thuộc. Hội nhập phải đi đôi với giữ vững độc lập, tự chủ và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

4. Kết luận

Định hướng hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIV là một chiến lược toàn diện, kết hợp giữa phát triển kinh tế hiện đại và giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện khung pháp luật, phát triển đồng bộ các loại thị trường, nâng cao năng lực quản trị nhà nước, khuyến khích khu vực tư nhân, bảo đảm công bằng xã hội và hội nhập quốc tế hiệu quả chính là những trụ cột để Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. T.1. tr.64,31,47,28,153,153.
- Nguyễn Phú Trọng. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Báo Quân đội nhân dân, số ra ngày 17/5/2021.
- Ngô Tuấn Nghĩa (2021). *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.269,272.
- The World Bank, World Development Report 2002, Building Institutions for Markets Published for the World Bank Oxford University Press, First printing September 2001, Box 1.2 What are Institutions?, tr.6.
- Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) (2006). *Từ điển Luật học*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.